

Bản án số: 71/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 03 - 2026
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Chánh

2/ Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Uyên San – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai: Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 403/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1980;

- Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: D, Tổ H, khu phố B, phường T, thành phố B, (nay là khu phố A, phường L) tỉnh Đồng Nai.

(Bà L có đơn xin vắng mặt, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Bà và ông Phạm Văn H tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình (nay là xã K, tỉnh Hưng Yên) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01, ngày 13/10/1998. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc vào thời gian đầu nhưng sau đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột về tính cách, bất đồng về quan điểm sống. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với với ông Phạm Văn H.

Về con chung: Bà và ông H có 03 con chung tên Phạm Văn H1, sinh ngày 13/8/1996, cháu Phạm Đức H2, sinh ngày 04/10/2006 và cháu Phạm Trần Trung H3, sinh ngày 20/11/2014.

Sau khi ly hôn, bà nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H3. Tạm thời không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Đối với các cháu Phạm Văn H1 và Phạm Đức H2 do hiện nay đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về vợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Phạm Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết tranh chấp: Cuộc sống vợ chồng giữa bà Trần Thị L và ông Phạm Văn H đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà L. Về con chung là cháu Phạm Trần Trung H3, sinh ngày 20/11/2014, đề nghị Tòa án giao con chung cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi cháu H3.

Đối với các con Phạm Văn H1 và Phạm Đức H2 do hiện nay đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Bà L trình bày tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có. Do ông H không có lời khai nên đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:** Bà Trần Thị L khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn ông Phạm Văn H hiện đang thực tế sinh sống tại: D, Tổ H, khu phố B, phường T, thành phố B, (nay là khu phố A, phường L) tỉnh Đồng Nai theo phiếu xác nhận thông tin cư trú ngày 01/12/2025 của Công an phường L, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông H đầy đủ. Tuy nhiên, ông H vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227, bà L có đơn xin xét xử vắng mặt và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Bà L và ông H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình (nay là xã K, tỉnh Hưng Yên) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01, ngày 13/10/1998. Căn cứ vào Điều 5, Điều 6 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo xác minh tại địa phương, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông H có xảy ra hay không thì địa phương không nắm rõ do bà L và ông H không trình báo và cũng không liên hệ để giải quyết.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H đến Tòa để làm việc, tham dự phiên họp về tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hai vợ chồng ông bà có điều kiện gặp gỡ thỏa thuận, đoàn tụ nhưng ông H không đến. Điều này chứng tỏ bà L và ông H không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là căn cứ để Tòa án cho ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông H.

[4] **Về con chung:** Bà L và ông H có 03 con chung tên Phạm Văn H1, sinh ngày 13/8/1996, cháu Phạm Đức H2, sinh ngày 04/10/2006 và cháu Phạm Trần Trung H3, sinh ngày 20/11/2014. Sau khi ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H3. Tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu H3. Đồng thời cháu H3 cũng có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Trần Thị L. Đối với ông H, trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông H không đến Tòa làm việc và cũng không có bản tường trình về yêu cầu giải quyết con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Phạm Trần Trung H3 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Trần Trung H3.

Đối với các con Phạm Văn H1 và Phạm Đức H2 do hiện nay đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] **Về tài sản chung, nợ chung:** Theo bà L trình bày tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có. Tuy nhiên, do ông H vắng mặt tại phiên tòa và không có lời khai nên không có cơ sở để xem xét giải quyết. Do vậy, cần tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

[6] **Về án phí:** Bà Trần Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc ly hôn.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 5, Điều 6 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 84, Điều 131 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của nguyên đơn bà Trần Thị L. Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Trần Trung H3, sinh ngày 20/11/2014 cho bà Trần Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi cháu H3.

Đối với các cháu Phạm Văn H1 và Phạm Đức H2 hiện nay đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Phạm Văn H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Trần Thị L phải nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001819 ngày 29/09/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà L đã nộp xong án phí.

5. Bà Trần Thị L và ông Phạm Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 - Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hải

